

KHẢO SÁT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG XÃ NÔNG THÔN MỚI - TRƯỜNG HỢP XÃ VĨNH HẢI, THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Bùi Như Ý¹ và Nguyễn Võ Châu Ngân²

¹Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

²Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/08/2016

Ngày chấp nhận: 27/10/2016

Title:

Survey on approval of modern rural ward's environment criteria - A case study at Vinh Hai ward, Vinh Chau town, Soc Trang province

Từ khóa:

Nông thôn mới, tiêu chí môi trường, thị xã Vĩnh Châu

Keywords:

Modern rural, environment criteria, Vinh Chau town

ABSTRACT

The study "Survey on approval of modern rural ward's environment criteria - A case study at Vinh Hai ward, Vinh Chau town, Soc Trang province" focused on assessing local current environment condition and defining adaptation level of the environment criteria in modern rural's national norm. From the obtained results, there would be a suggestion to archive the environment standards for Vinh Hai ward. The research methodology included the literature review and Participatory Rural Appraisal approach with local farmers at Vinh Hai ward. The results showed that in Vinh Hai there was only 1 of 5 criteria (hygienic clean water) satisfying the environment standards in new rural's national norm. The rest needed to be improved to fulfill the environmental standards, including: (i) manufacture and business enterprise to reach environment standard, (ii) environmental landscape, (iii) the cemetery planning and construction, and (iv) waste treatment. Based on the local current situation, suggestions were introduced to satisfy the environment standards in the future.

TÓM TẮT

Nghiên cứu "Khảo sát mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường xã nông thôn mới - trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng" thực hiện với mục tiêu xác định mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới của địa phương, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt tiêu chí môi trường xã nông thôn mới. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp tham khảo tài liệu và phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân - phương pháp chính của nghiên cứu này - trên địa bàn xã Vĩnh Hải. Kết quả cho thấy, xã Vĩnh Hải có 1/5 chỉ tiêu đạt yêu cầu của tiêu chí môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới là chỉ tiêu sử dụng nước sạch hợp vệ sinh. 4 chỉ tiêu cần phấn đấu đạt là (i) cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt tiêu chuẩn môi trường, (ii) về cảnh quan môi trường, (iii) về quy hoạch và xây dựng nghĩa trang và (iv) về chất thải. Ứng với tình hình cụ thể của địa phương, nghiên cứu đã đề xuất các hoạt động giúp địa phương thực hiện đạt từng tiêu chí môi trường theo quy định.

Trích dẫn: Bùi Như Ý và Nguyễn Võ Châu Ngân, 2016. Khảo sát mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường xã nông thôn mới - Trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Nông nghiệp (Tập 4): 61-70.

1 GIỚI THIỆU

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước rất quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển nông thôn, từ việc ban hành các chính sách đến hỗ trợ đầu tư xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới nhằm rút kinh nghiệm, đề xuất các cơ chế chính sách và phương pháp triển khai trên diện rộng. Năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới gồm 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trong đó tiêu chí 17 bao gồm 5 chỉ tiêu về môi trường. Tỉnh Sóc Trăng đã có 83 xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, trong đó thị xã Vĩnh Châu có 6 xã đang thực hiện.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 800/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thị xã Vĩnh Châu xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và đến năm 2020. Theo đó, Đảng bộ và chính quyền các địa phương ở Vĩnh Châu đã phát động rộng khắp phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”. Sau gần 5 năm thực hiện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống nông dân từng bước được nâng lên, tình làng nghĩa xóm càng thêm bền chặt.

Tuy nhiên với xuất phát điểm thấp, sản xuất và thu nhập kinh tế tại địa phương còn nhiều khó khăn, các nguồn lực đầu tư để thực hiện chương trình còn hạn chế. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển kinh tế và gia tăng dân số, chất lượng môi trường nông thôn trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu đang diễn biến theo chiều hướng ngày càng suy giảm, nhiều vấn đề môi trường bức xúc phát sinh từ sản xuất, đời sống gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hiện tại, trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu chưa có xã nào đạt đầy đủ các chỉ tiêu về tiêu chí xã nông thôn mới, đặc biệt tiêu chí môi trường là khó thực hiện nhất. Từ thực tế trên, nghiên cứu “Khảo sát mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường xã nông thôn mới - trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng” được tìm hiểu như một trường hợp điển hình về mức độ thực hiện các tiêu chí môi trường nông thôn mới tại địa phương, đánh giá những tiêu chí đã đạt hoặc chưa đạt, nguyên nhân chưa đạt các tiêu chí môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp thực hiện đạt tiêu chí về môi trường nông thôn mới đến năm 2020.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện trên đối tượng là dân cư xã Vĩnh Hải đang thực hiện 5 chỉ tiêu của tiêu chí môi trường xã nông thôn mới.

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp: thu thập các tài liệu số liệu đã có liên quan đến việc xây dựng xã nông thôn mới, các số liệu phân tích chất lượng môi trường nông thôn xã Vĩnh Hải; các chính sách, báo cáo khoa học và tạp chí có liên quan đến xã nông thôn mới và tiêu chí môi trường xã nông thôn mới.

Thu thập số liệu sơ cấp: số liệu sơ cấp được thu thập qua các cuộc thực hiện đánh giá nông thôn có sự tham gia PRA (Participatory Rural Appraisal). Mỗi ấp thực hiện một đánh giá PRA với nhóm từ 5 - 14 người, thực hiện trên 8 ấp, chủ yếu sử dụng công cụ lịch thời vụ, vẽ bản đồ, cây vấn đề và cho đồng ý có được các thông tin về hiện trạng môi trường, nguyên nhân phát sinh các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, phương pháp và những ưu tiên đề xuất của người dân để giảm ô nhiễm môi trường nông thôn và thông tin về sự hiểu biết của người dân về nông thôn mới cũng như tiêu chí môi trường nông thôn mới. Đồng thời, nghiên cứu cũng tiến hành thảo luận nhóm KIP với đại diện lãnh đạo UBND xã, cán bộ môi trường xã và trường ban nhân dân các ấp để bổ sung thông tin và thảo luận các nội dung chương trình, kế hoạch trong thời gian tới để thực hiện đạt tiêu chí môi trường nông thôn mới. Tuy nhiên, phạm vi bài báo này chỉ trình bày kết quả đánh giá PRA cho người dân địa phương.

Bảng 1: Số lượng người dân tham gia PRA ở từng ấp

STT	Địa bàn	Số lượng tham gia PRA (người)
1	Ấu Thọ A	14
2	Ấu Thọ B	9
3	Trà Sét	12
4	Giồng Nổi	11
5	Mỹ Thanh	9
6	Huỳnh Kỳ	5
7	Vĩnh Thạnh A	7
8	Vĩnh Thạnh B	6
Tổng		73

Tổng hợp phân tích số liệu thu thập bằng MS Excel và viết báo cáo.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

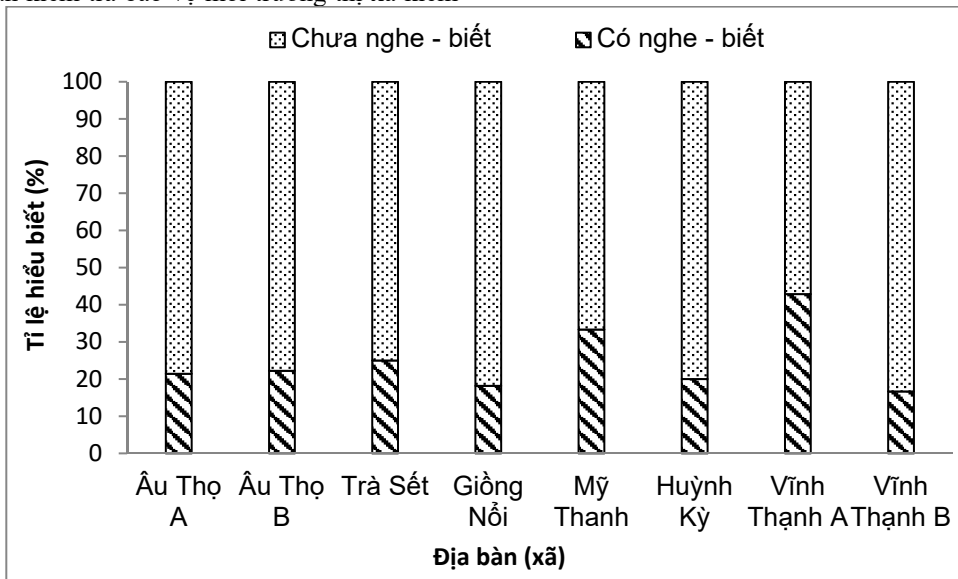
3.1 Tổng quan về xã Vĩnh Hải

Xã Vĩnh Hải là một đơn vị hành chính của thị xã Vĩnh Châu gồm 8 ấp Âu Thọ A, Âu Thọ B, Trà Sét, Vĩnh Thạnh A, Vĩnh Thạnh B, Giồng Nổi, Huỳnh Kỳ, Mỹ Thanh. Tổng diện tích tự nhiên là 7.839,23 ha, trong đó nhóm đất nông nghiệp là 6.598,22 ha; nhóm đất phi nông nghiệp 891,88 ha; nhóm đất chưa sử dụng 349,13 ha. Dân số của xã Vĩnh Hải đạt 21.185 người, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên 1,24%, mật độ dân số 269 người/km². Tỉ lệ trong độ tuổi lao động chiếm 62,20% dân số, có việc làm là 77,89%, thất nghiệp 5,28% và không hoạt động kinh tế là 16,84% (Chi cục Thống kê Thị xã Vĩnh Châu, 2015).

Về công tác quản lý môi trường, xã Vĩnh Hải có một công chức chuyên trách tham mưu giúp UBND xã thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn, và một lãnh đạo UBND xã chỉ đạo công tác tài nguyên và môi trường. Thời gian qua, UBND xã đã thực hiện tốt một số mặt trong công tác bảo vệ môi trường như giải quyết tốt và dứt điểm các vụ tranh chấp, kiện tụng về môi trường; bước đầu phối hợp tốt với đơn vị thu gom rác của thị xã; tham gia thường xuyên cùng đoàn kiểm tra bảo vệ môi trường thị xã kiểm

tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế ở một số mặt như công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường đến từng khu dân cư, ấp xóm chưa triệt để; chưa có giải pháp để phát hiện các trường hợp khai thác nước ngầm không xin phép; chưa có giải pháp để xử lý các hộ gia đình cá nhân vứt rác sinh hoạt bừa bãi không đúng nơi quy định, rác còn ứ đọng ở nhiều nơi.

Để tìm hiểu nhận thức của người dân địa phương về chương trình nông thôn mới cũng như tiêu chí 17, nghiên cứu đã tiến hành đánh giá PRA trực tiếp với mỗi nhóm dân cư tại mỗi ấp. Kết quả cho thấy, mức độ hiểu biết của người dân về chương trình nông thôn mới khá thấp (khoảng 25%) và trong số này đa số là cán bộ ấp đã được tập huấn và được hướng dẫn các văn bản quy định về chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đa phần (khoảng 75%) những người dân tham gia PRA chưa nghe và chưa biết về 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, họ chưa quan tâm đến các panô và băng-rôn về nông thôn mới ở quanh khu vực sinh sống. Điều này cho thấy, công tác tuyên truyền về chương trình nông thôn mới của chính quyền, đoàn thể địa phương còn nhiều hạn chế nên nhiều người dân chưa biết về cũng như chưa hiểu rõ 19 tiêu chí nông thôn mới.



Hình 1: Mức độ hiểu biết của người dân về chương trình nông thôn mới

3.2 Mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường số 17 của xã nông thôn mới

3.2.1 Chi tiêu 17.1 - Về nước sạch: “Có 75% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đáp ứng Quy chuẩn quốc gia”

Đến tháng 4/2013, xã Vĩnh Hải có 2 trạm cấp nước (trạm Vĩnh Hải - ấp Trà Sét và trạm Giồng

Chùa - ấp Huỳnh Kỳ) đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch cấp cho 1.456 hộ gia đình (chiếm 32%). Các hộ sử dụng nước ngầm (chiếm 53%) với tổng số giếng khoan 2.662 giếng. Vẫn còn một số dân ở ấp Huỳnh Kỳ, Mỹ Thanh, Vĩnh Thạnh A (khoảng 15%) phải mua và vận chuyển nước ngọt từ nơi khác về.

Nếu bỏ qua các điều kiện về quá trình bơm, trữ nước ngầm và so sánh chất lượng nước dưới đất với giới hạn tối đa cho phép tại QCVN 02:2009/BYT áp dụng đối với các hình thức khai thác nước cá nhân, hộ gia đình thì các chỉ tiêu nước ngầm sử dụng đều đạt quy chuẩn. Điều này có nghĩa là số hộ gia đình tự khai thác và sử dụng nước ngầm cũng là sử dụng nước sạch đáp ứng tiêu

chuẩn quốc gia. Số hộ dân tại một phần ấp Huỳnh Kỳ, Mỹ Thanh, Vĩnh Thạnh A không tự khai thác được nước ngầm để sử dụng cho sinh hoạt do nằm trong khu vực không có nước ngọt dưới đất xem như họ chưa đảm bảo sử dụng nước sạch. Do đó, 85% số hộ dân của xã sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia, so với chỉ tiêu 17.1 xã Vĩnh Hải đạt chỉ tiêu này.

Bảng 2: Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước dưới đất trên địa bàn nghiên cứu

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 09-MT:2015/BTNMT
			NN01	NN02	NN03	NN04	
1	pH	-	7,12	7,22	7,81	7,76	5,5 - 8,5
2	Độ mặn	‰	0,5	0,4	0,4	0,4	-
3	Độ cứng	mg/L	144	216	220	208	500
4	TDS	mg/L	752	629	645	656	1500
5	Clorua	mg/L	77,2	29,6	27,2	16,6	250
6	Nitrate	mg/L	0,19	0,72	0,25	0,34	15
7	Sunfat	mg/L	31,2	12,6	10,3	11,2	400
8	Mangan	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5
9	Sắt	mg/L	0,14	0,25	0,28	0,19	5
10	Chi	mg/L	0,049	0,052	0,02	0,039	0,01
11	Thủy ngân	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,001
12	Kẽm	mg/L	0,009	KPH	0,006	KPH	3
13	Đồng	mg/L	0,005	0,009	0,009	0,008	1
14	Arsen	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
15	<i>E. Coli</i>	MPN/100 mL	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Tổng Coliform	MPN/100 mL	3	KPH	KPH	6	3

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Vĩnh Châu, 2013)

Ghi chú: QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

KPH: Không phát hiện

Một số định hướng khai thác bền vững và sử dụng hiệu quả nguồn nước sạch:

- Tập trung tìm những giải pháp công nghệ kỹ thuật phù hợp, hiệu quả, nhất là đối với các vùng không khai thác được nước ngầm. Đa dạng hóa các loại hình công nghệ khai thác, sử dụng nguồn nước hợp lý và nâng cao chất lượng nước phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng ấp, đảm bảo nguyên tắc bền vững. Ưu tiên tận dụng các nguồn nước ổn định đối với các vùng đặc biệt khó khăn; cấp nước tập trung cho những vùng dân cư đông và tập trung; nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước hiện có, đảm bảo chất lượng nước.

- Giải pháp khai thác và bảo vệ nguồn nước dưới đất: quản lý việc khai thác nước dưới đất chặt chẽ, tránh tình trạng khai thác nước dưới đất không phép, xử lý hoặc phối hợp xử lý nghiêm các trường hợp khai thác nước dưới đất tự phát, trái phép; đẩy mạnh tuyên truyền về sử dụng nước ngầm tiết kiệm.

3.2.2 Chi tiêu 17.2 - Về cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt tiêu chuẩn môi trường: “Có 90% cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt tiêu chuẩn về môi trường, 10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục”

Kết quả điều tra cho thấy, xã Vĩnh Hải có 47 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, trong đó có 4 nhóm đối tượng phát sinh chất thải gây nguy cơ ô nhiễm cao cho môi trường gồm thu mua tôm, thu mua hành tím, chăn nuôi heo, trạm y tế. Kết quả quan trắc mẫu nước thải của một số đối tượng này cho thấy nước thải đầu ra chưa đạt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải. Theo phân ánh của người dân qua đánh giá PRA, một số cơ sở sản xuất kinh doanh trong quá trình sản xuất, chế biến vẫn còn xả nước thải, chất thải rắn, mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Như vậy, so với chỉ tiêu 17.2 xã Vĩnh Hải chưa đạt chỉ tiêu này.

Bảng 3: Kết quả phân tích ô nhiễm nước thải trên địa bàn nghiên cứu

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT	
			NT01	NT02	A	B
1	pH	-	8,32	8,14	6 – 9	5,5 - 9,0
2	BOD ₅	mg/L	656	467	30	50
3	COD	mg/L	1440	861	75	150
4	SS	mg/L	91	64	50	100
5	Amoni	mg/L	19,2	13,4	5	10
6	Nitrate	mg/L	4,2	2,7	-	-
7	Nitrit	mg/L	1,78	1,26	-	-
8	Tổng N	mg/L	49,5	30,7	20	40
9	Tổng P	mg/L	2,92	1,51	4	6
10	Sắt	mg/L	2,83	1,75	1	5
11	Chì	mg/L	1,2	0,87	0,1	0,5
12	Đầu mỡ	mg/L	2,8	1,6	5	10
13	Tổng Coliform	MPN/100 mL	1600	1200	3000	5000

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Vĩnh Châu, 2013)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- : không quy định

Bảng 4: Kết quả phân tích chất lượng không khí

STT	Kí hiệu mẫu	Thông số					
		Tiếng ồn dBA	Bụi lơ lửng µg/L	CO µg/L	SO ₂ µg/L	NO ₂ µg/L	NH ₃ µg/L
1	KK12	64,9	116	630	28	8	12
2	KK13	78,2	240	870	55	16	36
3	KK14	84,8	215	1.540	107	24	42
	QCVN 05:2013/BTNMT	-	300	30000	350	200	-
	QCVN 06:2009/BTNMT	-	-	-	-	-	200
	QCVN 26:2010/BTNMT	70	-	-	-	-	-

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Vĩnh Châu, 2013)

Ghi chú: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Để thực hiện đạt chỉ tiêu môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, xã Vĩnh Hải cần triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

– Về vệ sinh môi trường: là xã nằm trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long nên mô hình nhà vệ sinh tự hoại là thích hợp và hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

– Về xử lý chất thải chăn nuôi: tập trung xử lý chất thải chăn nuôi quy mô hộ gia đình, ưu tiên áp dụng công nghệ xử lý chất thải bằng công nghệ biogas.

– Giải pháp kiểm soát chất lượng môi trường không khí: (i) đối với các cơ sở sản xuất phải tiến hành kiểm tra và xử lý kịp thời, nghiêm ngặt các trường hợp vi phạm gây ô nhiễm môi trường; thu gom không khí thải ở các điểm, tuyến dân cư; (ii) đối với các dự án giao thông trên địa

bàn xã hoặc đi ngang qua xã cần phải giám sát tốt giải pháp thi công không để phát sinh bụi ảnh hưởng xung quanh.

3.2.3 *Chỉ tiêu 17.3 - Về cảnh quan môi trường: “Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường”*

Theo hướng dẫn của Thông tư 54/2009/TT-BNNPTNT, chỉ tiêu này gồm các nội dung không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường; trong mỗi ấp đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát hoang dọn cỏ ở đường thu gom về nơi quy định để xử lý; định kỳ tổ chức tổng vệ sinh với sự tham gia của người dân; tổ chức trồng cây xanh ở nơi công cộng, đường giao thông và các trục giao thông chính nội đồng; tôn tạo các hồ nước tạo cảnh quan đẹp và điều hòa sinh thái.

Trên cơ sở đánh giá từng nội dung cụ thể, xã Vĩnh Hải thực hiện đạt như sau:

– Đối với nội dung không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường, như đã trình bày ở trên, địa phương vẫn có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy nội dung này địa phương chưa đạt.

– Đối với nội dung trong mỗi ấp có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ thu

gom về nơi quy định để xử lý, xã Vĩnh Hải vẫn chưa đạt. Hiện tại, UBND xã đã phối hợp với Xí nghiệp Quản lý Công trình đô thị thu gom rác thải tại trung tâm xã, chợ, tuyến dân cư của một phần tuyến đường quốc lộ Nam Sông Hậu trên địa bàn 3 ấp Âu Thọ A, Âu Thọ B, Trà Sét; ở 5 ấp còn lại rác thải sinh hoạt được người dân tự thu gom và xử lý thông qua các hình thức chôn lấp, đốt, thải vào nơi đất trống, ao tù, kênh rạch...

Bảng 4: Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn nghiên cứu

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT
			NM01	NM02	NM03	NM04	
1	pH	-	7,98	8,35	7,97	8,31	5,5 - 9,0
2	Độ mặn	‰	1,0	6,3	14,6	24,1	-
3	BOD ₅	mg/L	29,47	16,49	12,31	14,37	15
4	COD	mg/L	64,80	38,60	33,03	32,28	30
5	DO	mg/L	3,96	4,75	5,74	6,58	≥ 4
6	SS	mg/L	24	50	14	48	50
7	Amoni	mg/L	1,24	2,18	0,16	0,92	0,9
8	Nitrate	mg/L	6,30	4,87	0,95	2,64	10
9	Nitrit	mg/L	1,68	0,94	0,23	1,12	0,05
10	Clorua	mg/L	304	1.997	4.420	7.337	350
11	Sắt	mg/L	2,78	1,62	0,56	0,84	1,5
12	Chì	mg/L	0,02	KPH	KPH	KPH	0,05
13	Dầu mỡ	mg/L	2,84	1,37	0,93	1,02	1
14	E.Coli	MPN/100 mL	54	16	12	24	100
15	Tổng Coliform	MPN/100 mL	400	930	860	1.400	7.500

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Vĩnh Châu, 2013)

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

KPH: không phát hiện

– Đối với nội dung định kỳ tổ chức tổng vệ sinh với sự tham gia của mọi người dân, UBND xã phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các cuộc tổng vệ sinh, khai thông cống rãnh với sự tham gia của đoàn viên, thanh niên xã tại khu vực chợ trung tâm xã để hưởng ứng ngày chủ nhật xanh. Tuy vậy, việc thực hiện chưa rộng khắp tại các ấp, các khu dân cư còn lệ thuộc vào cơ quan cấp trên, chưa có kế hoạch thực hiện đầu năm đối với hoạt động này. Do đó, nội dung này xã Vĩnh Hải chưa đạt.

– Đối với nội dung tổ chức trồng cây xanh ở nơi công cộng, đường giao thông và các trục giao thông chính nội đồng, hàng năm địa phương thực hiện kế hoạch phân bổ trồng cây phân tán của ngành nông nghiệp. Nội dung này xã Vĩnh Hải thực hiện đạt.

– Đối với nội dung tôn tạo các hồ nước tạo cảnh quan đẹp và điều hòa sinh thái, xã Vĩnh Hải chưa thực hiện nội dung này.

Như vậy, xã Vĩnh Hải chỉ thực hiện đạt 1/5 nội dung nên chưa đạt chỉ tiêu 17.3.

Bên cạnh những giải pháp thực hiện đạt chỉ tiêu về cảnh quan môi trường, là địa phương có diện tích rừng phòng hộ ven biển, xã Vĩnh Hải cần triển khai thực hiện một số giải pháp bảo vệ và phát triển rừng bao gồm: định kỳ đánh giá hiện trạng rừng nhằm đề ra các biện pháp ngăn chặn sự suy giảm về diện tích và sự đa dạng sinh học của rừng; lập kế hoạch chăm sóc, bảo dưỡng thảm thực vật rừng hàng năm; thí điểm và thực hiện giao khoán rừng cho người dân nhằm phục vụ phát triển kinh tế nhưng gắn kết với bảo vệ rừng; tăng cường quản lý nhà nước trong việc bảo vệ rừng.

3.2.4 Chỉ tiêu 17.4 - Về quy hoạch và xây dựng nghĩa trang: “Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch”

Theo hướng dẫn của Thông tư 54/2009/TT-BNNPTNT, mỗi thôn hoặc liên thôn cần quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài, có quy chế về quản lý nghĩa trang, quy định cụ thể khu nghĩa trang phải có khu hung táng, cát táng, tâm linh, nơi trồng cây xanh, có lối đi thuận lợi cho việc thăm viếng, mộ phải đặt theo hàng, xây dựng đúng diện tích và chiều cao quy định. Bên cạnh đó người dân cần

được vận động về việc thực hiện hỏa táng thay cho chôn cất ở những nơi có điều kiện, thực hiện chôn cất tại nghĩa trang thay cho chôn cất tại vườn nhà.

Hiện nay xã Vĩnh Hải chưa xây dựng nghĩa trang nhân dân, việc chôn cất người quá cố vẫn được thực hiện xen kẽ trong đất sản xuất, đất ở. Do chôn cất rải rác nên tốn kém đất và có khả năng gây mất vệ sinh môi trường, ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm. Một số trường hợp chôn cất người quá cố ngay cạnh nhà ở trong khu dân cư, làm giảm mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường sống. Riêng đồng bào Khmer có tập tục hỏa táng người quá cố vì vậy phần lớn chùa của người Khmer đều có đầu tư lò hỏa táng, đến nay toàn xã có 2 lò hỏa táng tại chùa TaSék và chùa ProLean của đồng bào Khmer. Như vậy, hiện tại chỉ tiêu này chưa đạt.

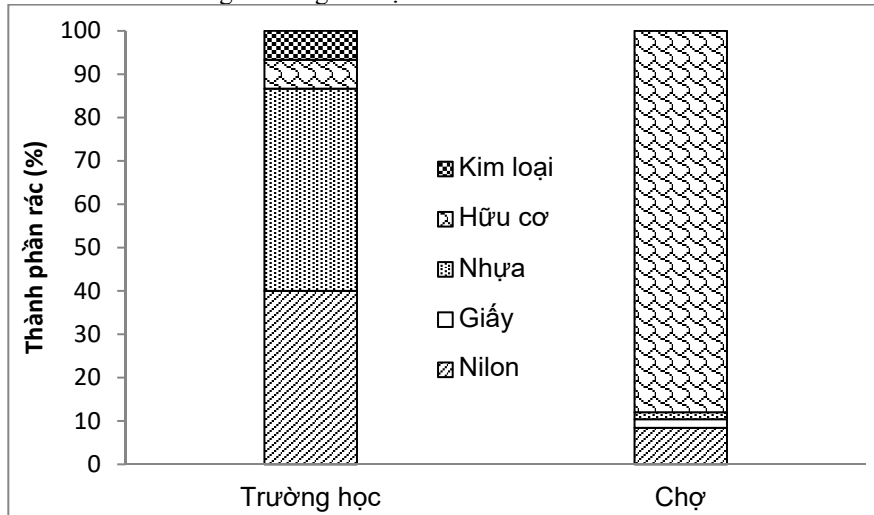
Theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Hải giai đoạn 2010 - 2020, xã đã quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân với diện tích 2 ha tại ấp Huỳnh Kỳ, thực hiện từ 2016 - 2020. Vì vậy, khi triển khai công trình cần đảm bảo thiết kế và xây dựng theo TCVN 7956:2008 - Nghĩa trang đô thị -

Tiêu chuẩn thiết kế, và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2010/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Đến khi nghĩa trang đưa vào sử dụng, xã cần tuyên truyền và hướng dẫn cho các hộ dân khi chôn cất cần chỉnh trang, trồng cây xanh bóng mát và sắp xếp các ngôi mộ theo hàng lối, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường. Đối với hình thức hỏa táng, các lò hỏa táng cần phải vận hành đúng quy trình và thường xuyên bảo trì các lò đảm bảo vệ sinh môi trường khi vận hành.

3.2.5 *Chỉ tiêu 17.5 - Về chất thải: “Rác thải và nước thải thu gom và xử lý theo quy định”*

Khảo sát cho thấy hiện trạng thu gom và quản lý nguồn chất thải phát sinh ở xã như sau:

– Đối với chất thải sinh hoạt khu dân cư: rác thải sinh hoạt hiện đang được Xí nghiệp Công trình Quản lý Đô thị thu gom đến trung tâm xã, vẫn còn 4 khu tuyến dân cư chưa tổ chức thu gom được. Các khu vực chưa thu gom và nhà dân sống rải rác chưa có giải pháp xử lý rác hữu hiệu, chủ yếu là gom đồng rồi đốt. Do đó, nội dung này xã vẫn chưa đạt theo tiêu chí.



Hình 2: Kết quả phân tích thành phần chất thải rắn sinh hoạt

– Đối với chất thải từ cơ sở sản xuất kinh doanh: theo đánh giá chỉ tiêu 17.2 xã Vĩnh Hải chưa đạt tiêu chí này vì vẫn còn một số cơ sở chưa xử lý chất thải đạt quy chuẩn theo quy định.

– Đối với chất thải từ sản xuất nông nghiệp: việc quản lý chất thải từ nông nghiệp của nông dân trong xã còn nhiều hạn chế, họ còn có thói quen thải bỏ bừa bãi các loại bao bì, chai lọ chứa các loại phân bón, thuốc trừ sâu trên đồng ruộng, thải vào kênh nội đồng sau khi sử dụng gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người nhưng hiện chưa có hướng giải quyết. Hoạt động nuôi trồng thủy sản của xã đã đưa vào môi trường đất, nước

một lượng lớn các chất thải, hóa chất độc hại gây ô nhiễm, là yếu tố gia tăng áp lực đối với môi trường. Một số hộ chăn nuôi chưa thu gom, xử lý triệt để chất thải làm phát sinh mùi hôi, ruồi nhặng, gây mất vệ sinh trong các khu dân cư. Do đó, nội dung này chưa đạt theo tiêu chí.

– Xử lý nước thải sinh hoạt: toàn xã chỉ có hệ thống cống thoát nước thải sinh hoạt ở khu dân cư trung tâm nhưng cũng chưa hoàn chỉnh còn ảnh hưởng môi trường. Do đó, nội dung này chưa đạt theo tiêu chí.

Như vậy, xã Vĩnh Hải chưa thực hiện đạt chỉ tiêu 17.5.

Giải pháp khai thác - bảo vệ môi trường nước và quản lý các nguồn chất thải rắn:

- Đề đạt được mục tiêu thu gom 100% chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân ở 6 điểm, tuyến dân cư; thu gom 100% chất thải rắn cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và 100% chất thải rắn y tế, xã Vĩnh Hải cần phải có các giải pháp quản lý nguồn chất thải rắn triệt để như: tăng cường năng lực cho công tác quản lý, phối hợp với đơn vị chức năng để thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm phát sinh rác thải trên địa bàn; xây dựng trạm trung chuyển rác; tăng cường quản lý rác thải các cơ sở sản xuất và rác thải y tế; tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức của nông dân về tác hại của các loại chất thải nông nghiệp đối với môi trường và sức khỏe; ứng dụng các mô hình hoặc phương thức thu gom, xử lý chất thải nông nghiệp đơn giản, rẻ tiền phù hợp với điều kiện của xã.

- Bảo vệ nguồn nước sông, kênh, rạch: thực hiện kiểm soát các nguồn chất thải sinh hoạt, công nghiệp, chất thải thủy sản, công trình thủy lợi đưa vào nguồn nước sông, kênh, rạch. Tăng cường kiểm tra, giáo dục tiên tới ngăn cấm việc xả rác, nước thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp chưa xử lý đạt tiêu chuẩn vào nguồn nước; nâng cấp và xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống thu gom và xử lý sơ bộ nước thải ở các điểm, tuyến dân cư; triển khai đầu tư nạo vét, mở rộng và cải tạo chất lượng nước các kênh rạch.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng nước: ứng dụng các mô hình dự trữ nước mưa vào mùa mưa để phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; triển khai các mô hình nuôi thủy sản phù hợp với diễn biến chất lượng nước của các kênh rạch trên địa bàn xã.

3.3 Một số giải pháp khác

Bên cạnh những giải pháp cụ thể đã đề xuất nhằm giúp địa phương thực hiện đạt từng tiêu chí môi trường còn vướng lại, nghiên cứu cũng đề xuất thêm một số giải pháp chung có tính tổng quát cho tất cả các tiêu chí môi trường.

3.3.1 Công tác truyền thông môi trường

Đây là một công cụ phù hợp để đưa thông tin đến với người dân, giúp họ tăng cường sự hiểu biết, tính tự giác trong công tác bảo vệ môi trường. Đánh giá PRA được tích hợp việc tìm hiểu người dân địa phương mong muốn tiếp cận với công cụ truyền thông môi trường nào. Một số công cụ có thể đề xuất thực hiện tại cộng đồng dân cư để hỗ trợ công tác truyền thông môi trường như:

- Công cụ 1: lắp đặt các pa-nô, băng-ron và tờ rơi về bảo vệ môi trường.

- Công cụ 2: các tin - bài về bảo vệ môi trường phát trên sóng phát thanh.

- Công cụ 3: tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân về vệ sinh môi trường tại các điểm, khu dân cư.

- Công cụ 4: phát động lễ ra quân quét dọn, làm cỏ, phát quang bụi rậm, thu gom rác, khai thông cống rãnh, trồng cây xanh tại các điểm - khu dân cư.

Kết quả phân tích PRA cho thấy đa số người dân lựa chọn công cụ 2, theo người dân lý do lựa chọn công cụ này là do khi đến giờ phát thanh phát nếu bận làm việc cũng nghe được. Tuy nhiên các nhóm ấp Âu Thọ B, Giồng Nổi, Vĩnh Thạnh B, người dân cho rằng khu vực họ sinh sống chưa tiếp cận với sóng phát thanh, chính quyền địa phương có thể cân nhắc để lắp đặt thêm các loa phát thanh tại địa bàn này. Công cụ 3 là lựa chọn kế tiếp của người dân, lý do khi tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn về vấn đề vệ sinh môi trường tại các điểm - khu dân cư là người dân có thể gặp mặt và trao đổi trực tiếp với người hướng dẫn, tuy nhiên mất thời gian nên không được lựa chọn ưu tiên. Tiếp theo là công cụ 4 do người dân cho rằng định kỳ mọi người cũng cần tham gia vệ sinh nơi công cộng cho sạch đẹp. Công cụ có số điểm lựa chọn thấp nhất là công cụ 1, mặc dù người dân có thể nhìn thấy các pa-nô, băng-ron và tờ rơi hàng ngày nhưng một số người dân không biết chữ nên không hiểu được nội dung.

Như vậy chính quyền địa phương có thể triển khai 4 công cụ truyền thông theo thứ tự ưu tiên:

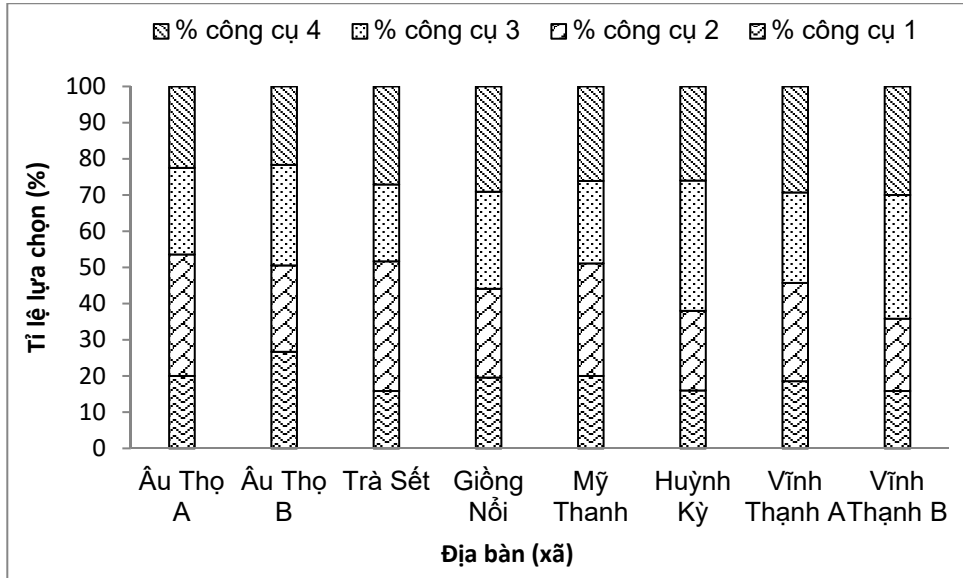
- Đầu tư các cụm loa truyền thanh đến tất cả các điểm, tuyến dân cư xóm ấp của xã để mọi người có thể nghe được đài truyền thanh; tăng cường tin - bài và xây dựng các chuyên mục tuyên truyền vệ sinh môi trường, tiêu chí môi trường nông thôn mới đến từng nhà sao cho người dân dễ hiểu, dễ thực hiện, gần gũi với mọi người.

- Phối hợp với đoàn thể xây dựng kế hoạch phát động lễ ra quân quét dọn, làm cỏ, phát quang bụi rậm, thu gom rác, khai thông cống rãnh, trồng cây xanh tại các điểm, khu dân cư; qua đó tuyên truyền cho người dân có ý thức và hành động bảo vệ môi trường, trước mắt là cho chính bản thân họ và sau là cho cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn người dân về các mô hình nước sạch và vệ sinh môi trường, triển khai xây dựng các quy ước bảo vệ môi trường khu dân cư, cam kết bảo vệ môi trường đến từng hộ gia đình góp phần tác động tích cực đến nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của người dân.

– Lắp đặt các pa-nô, băng-rôn và tờ rơi in các khẩu hiệu và hình ảnh về bảo vệ môi trường là rất cần thiết để tuyên truyền trực quan; các nội dung

pa-nô, tờ rơi cần có những hình ảnh dễ hiểu, gần gũi (cần thiết có cả tiếng dân tộc) để người không biết chữ cũng có thể hiểu và thực hiện dễ dàng.



Hình 3: Lựa chọn phương tiện truyền thông môi trường của người dân địa phương

3.3.2 Nhân lực quản lý môi trường

Trên cơ sở Thông tư 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn quy định nhiệm vụ của công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường cấp xã phường, UBND xã Vĩnh Hải cần xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm lồng ghép với thực hiện tiêu chí môi trường nông thôn mới, trong đó có sự phối hợp giữa UBND và đoàn thể xã để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường hàng năm trên nguyên tắc lấy phòng ngừa là chính và chú trọng xây dựng năng lực ứng phó sự cố môi trường.

Cán bộ quản lý môi trường ở xã phải thường xuyên được tập huấn nâng cao nhiệm vụ quản lý môi trường về tăng cường năng lực giám sát, hòa giải, kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên tập huấn cho cán bộ đoàn thể về năng lực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các mô hình về bảo vệ môi trường cộng đồng, cũng như nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng; thường xuyên tập huấn cho trưởng ban và cán bộ các ấp nâng cao năng lực về công tác vận động người dân chung tay bảo vệ môi trường khu xóm, vận động nhân dân góp của cải, sức lao động để thực hiện các công trình vệ sinh môi trường nông thôn.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Nghiên cứu “Khảo sát mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường xã nông thôn mới - trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng” cho thấy địa phương chưa đáp ứng tiêu chí môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới do chỉ đạt chỉ tiêu 17.1 về số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia, các chỉ tiêu còn lại đều chưa đạt, cần phải phân đầu thêm. Các giải pháp chung và giải pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề chưa đạt của từng tiêu chí cũng đã được đề xuất giúp địa phương chủ động thực hiện.

Nghiên cứu cũng cho thấy trong điều kiện cụ thể của từng địa phương, có một số đặc thù không thể đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí cần được xem xét như:

- Việc hỏa táng của đồng bào Khmer đã giảm tải nhiều cho diện tích đất nghĩa trang, như vậy có cần phải quy hoạch và xây dựng nghĩa trang cho từng xã hay nên chăng xây dựng cho một số xã liền kề.
- Việc thu gom và xử lý rác thải tập trung ở quy mô cấp xã rất khó thực hiện bền vững do phương tiện thu gom thô sơ, chất thải chủ yếu chôn lấp không đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Nhiều hộ gia đình canh tác thủy sản rải rác trên địa bàn nên việc quản lý và xử lý chất thải gặp nhiều khó khăn.

Để có thể đạt và thực hiện bền vững các tiêu chí môi trường nông thôn mới, chính quyền và đoàn thể địa phương cần tăng cường tuyên truyền giúp người dân hiểu và chủ động cùng tham gia thực hiện các hoạt động. Các hoạt động triển khai cần dựa trên nguyên tắc “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, cả về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009). Thông tư 16/2009/TT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2009 quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí QCVN 06:2009/BTNMT. Hà Nội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2010). Thông tư 39/2010/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT. Hà Nội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011). Thông tư 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT. Hà Nội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013). Thông tư 32/2013/TT-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2013 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT. Hà Nội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). Thông tư 65/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

môi trường - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Hà Nội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). Thông tư 66/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Hà Nội.

Chi cục Thống kê Thị xã Vĩnh Châu (2015). Niên giám thống kê thị xã Vĩnh Châu năm 2014. Chi cục Thống kê Thị xã Vĩnh Châu.

Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Vĩnh Châu (2013). Đánh giá hiện trạng môi trường và xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ môi trường Thị xã Vĩnh Châu đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Ủy ban Nhân dân Thị xã Vĩnh Châu

Thủ tướng Chính phủ (2009). Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Chính phủ. Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2010). Quyết định Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Chính phủ. Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2012). Quyết định về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015. Chính phủ. Hà Nội.

Ủy ban Nhân dân thị xã Vĩnh Châu (2010). Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Vĩnh Châu đến năm 2020. Ủy ban Nhân dân Thị xã Vĩnh Châu.

Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Hải (2012). Quy hoạch chung nông thôn mới xã Vĩnh Hải đến năm 2020. Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Hải.